

Bài học: Giới thiệu gia đình (My Family)

Xin chào các bạn nhỏ! Hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau học những từ vựng thật thú vị về chủ đề gia đình và cách để giới thiệu những người thân yêu nhất của mình, đặc biệt là ông và bà, bằng tiếng Anh nhé!

Phần 1: Từ vựng về các thành viên trong gia đình

Để giới thiệu được gia đình, trước hết chúng ta cần biết tên gọi của các thành viên trong tiếng Anh. Các con hãy cùng xem bảng dưới đây và đọc to theo nhé!

1. Các thành viên chính

Tiếng Anh	Phiên âm đơn giản	Nghĩa tiếng Việt	Ví dụ đơn giản
Family	/'fæm.əl.i/ (phe-mơ-li)	Gia đình	This is my family. (Đây là gia đình của tớ.)
Father	/'fɑ:ðər/ (pha-đờ)	Bố, Ba	My father is strong. (Bố của tớ rất khỏe.)
Mother	/'mʌð.ər/ (ma-đờ)	Mẹ, Má	My mother is beautiful. (Mẹ của tớ rất đẹp.)
Brother	/'brʌð.ər/ (bra-đờ)	Anh trai / Em trai	I have a brother. (Tớ có một người anh/em trai.)
Sister	/'sɪs.tər/ (six-tờ)	Chị gái / Em gái	My sister is cute. (Chị/em gái của tớ rất dễ thương.)
Grandfather	/'græn.fɑ:ðər/ (gran-pha-đờ)	Ông	My grandfather is old. (Ông của tớ đã lớn tuổi.)
Grandmother	/'græn.mʌð.ər/ (gran-ma-đờ)	Bà	My grandmother is kind. (Bà của tớ rất tốt bụng.)
Baby	/'beɪ.bi/ (bay-bi)	Em bé	The baby is sleeping. (Em bé đang ngủ.)

2. Tên gọi thân mật

Trong giao tiếp hàng ngày, chúng ta thường dùng những tên gọi thân mật hơn. Các con hãy học thêm nhé!

Tên gọi trang trọng	Tên gọi thân mật	Nghĩa tiếng Việt
Father	Dad / Daddy	Bố / Ba
Mother	Mom / Mommy	Mẹ / Má
Grandfather	Grandpa	Ông
Grandmother	Grandma	Bà

Phần 2: Mẫu câu giới thiệu thành viên trong gia đình

Sau khi đã biết từ vựng, bây giờ chúng ta sẽ học cách giới thiệu một người trong gia đình mình cho người khác biết. Rất đơn giản thôi!

Cấu trúc giới thiệu

Công thức: This is my + [Thành viên gia đình].

Giải thích: Mẫu câu này có nghĩa là "Đây là... của tớ.". Con dùng câu này khi muốn chỉ vào một người và nói cho bạn bè hoặc thầy cô biết đó là ai trong gia đình mình.

Ví dụ minh họa:

- Khi con muốn giới thiệu bố: **This is my father.** (Đây là bố của tớ.)
- Khi con muốn giới thiệu mẹ: **This is my mother.** (Đây là mẹ của tớ.)

- Khi con muốn giới thiệu anh trai: **This is my brother.** (Đây là anh trai của tớ.)

Phần 3: Trọng tâm - Giới thiệu Ông và Bà

Ông bà là những người rất đặc biệt trong gia đình. Bây giờ, chúng ta sẽ tập trung luyện tập cách giới thiệu ông và bà nhé.

1. Giới thiệu Ông (Grandfather)

Công thức: This is my grandfather.

Giải thích: Khi con muốn giới thiệu ông của mình, con hãy chỉ về phía ông và nói to, rõ ràng câu này. Con cũng có thể dùng tên gọi thân mật hơn: **This is my grandpa.**

Ví dụ tình huống:

1. Bạn An đến nhà chơi và gặp ông của con. Con sẽ nói: "An, **this is my grandfather.**" (An ơi, đây là ông của tớ.)
2. Cô giáo xem ảnh gia đình và hỏi "Who is this?" (Đây là ai vậy con?). Con chỉ vào ảnh ông và trả lời: "**This is my grandfather.**"

2. Giới thiệu Bà (Grandmother)

Công thức: This is my grandmother.

Giải thích: Tương tự như khi giới thiệu ông, con dùng mẫu câu này để giới thiệu bà. Tên gọi thân mật con có thể dùng là: **This is my grandma.**

Ví dụ tình huống:

1. Con và bà đang đi công viên, con gặp bạn học. Con sẽ giới thiệu với bạn: "Hi Nam. **This is my grandmother.**" (Chào Nam. Đây là bà của tớ.)
2. Trong giờ học vẽ, con vẽ một bức tranh về bà và giới thiệu với cả lớp: "Look! **This is my grandmother.**" (Nhìn này! Đây là bà của tớ.)

Phần 4: Hỏi và trả lời về thành viên gia đình

Khi người khác muốn hỏi về một người trong ảnh hoặc người đi cùng con, họ sẽ dùng câu hỏi nào? Và con sẽ trả lời ra sao?

Cấu trúc hỏi và trả lời

Câu hỏi: Who is this? (Đây là ai?)

Câu trả lời: This is my + [Thành viên gia đình]. hoặc **It's my + [Thành viên gia đình].**

Ví dụ hội thoại:

Bạn Mai và bạn Lan đang xem một bức ảnh gia đình của Lan.

- **Mai:** Wow, a nice photo! **Who is this?** (Wow, một bức ảnh đẹp quá! Đây là ai vậy?) - Mai chỉ vào người đàn ông trong ảnh.
- **Lan:** **This is my father.** (Đây là bố của tớ.)
- **Mai:** And **who is this?** (Còn đây là ai?) - Mai chỉ vào người phụ nữ đứng cạnh.
- **Lan:** **It's my mother.** (Đó là mẹ của tớ.)

- **Mai:** Is this your grandfather? (Đây có phải là ông của cậu không?) - Mai chỉ vào người đàn ông lớn tuổi.
- **Lan:** Yes. **This is my grandfather.** And this is my grandmother. (Đúng vậy. Đây là ông của tớ. Và đây là bà của tớ.)

Phần 5: Luyện tập

Bây giờ chúng ta hãy cùng thực hành một chút để nhớ bài lâu hơn nhé!

Bài tập 1: Nhìn tranh và nói

Hãy tưởng tượng con có một bức ảnh gia đình với đầy đủ ông, bà, bố, mẹ. Con hãy lần lượt chỉ vào từng người và tập nói:

- (Chỉ vào ông) -> "This is my grandfather."
- (Chỉ vào bà) -> "This is my grandmother."
- (Chỉ vào bố) -> "This is my father."
- (Chỉ vào mẹ) -> "This is my mother."

Bài tập 2: Điền vào chỗ trống

Hoàn thành các câu sau với từ cho sẵn: **mother, grandfather, sister, brother**

1. This is my _____. He is old. (Gợi ý: Ông ấy lớn tuổi rồi.) -> Đáp án:
grandfather

2. This is my _____. She is beautiful. (Gợi ý: Cô ấy rất xinh đẹp.) -> Đáp án:
mother

3. This is my _____. He likes to play football. (Gợi ý: Anh ấy thích chơi đá bóng.)

-> Đáp án: brother

4. This is my _____. She has long hair. (Gợi ý: Chị ấy có mái tóc dài.) -> Đáp án:

sister

Vậy là hôm nay chúng ta đã học được rất nhiều từ vựng và mẫu câu hay về chủ đề gia đình rồi. Các con hãy về nhà thực hành giới thiệu gia đình mình cho bố mẹ nghe nhé. Chúc các con học thật tốt!